



**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIỂN ĐỒI KHÍ HẬU**

**THÔNG BÁO
KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP
THÁNG VI/2017**



HÀ NỘI, THÁNG VII/2017

LỜI NÓI ĐẦU

Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp do Phòng Giám sát và Dự báo khí tượng nông nghiệp, Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, soạn thảo và xuất bản hàng tháng.

Bản tin Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp được xây dựng trên cơ sở nguồn dữ liệu:

- 56 trạm khí tượng và 29 trạm khí tượng nông nghiệp do Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia cung cấp;
- Bản tin Dự báo thời tiết tuần do Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương cung cấp;
- Bản tin Dự báo khí hậu (1 tháng, 3 tháng) do Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng - Khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu cung cấp;
- Báo cáo tổng hợp tình hình sản xuất nông nghiệp hàng tháng ở các vùng sinh thái nông nghiệp do Trung tâm Thông tin, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cung cấp;
- Số liệu thống kê về diện tích, năng suất, sản lượng của các cây trồng chính do Tổng cục Thống kê cung cấp.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.

Địa chỉ: 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04.7733372; 047733090-407

Fax: 04.8358626

Email: son.nguyenhong@imh.ac.vn;

Webside: <http://www.imh.ac.vn>



MỤC LỤC

	Trang
I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG VI/2017	1
1. Vùng Tây Bắc.....	1
2. Vùng Việt Bắc.....	2
3. Vùng Đông Bắc.....	4
4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ	5
5. Vùng Bắc Trung Bộ	6
6. Vùng Trung Trung Bộ.....	7
7. Vùng Nam Trung Bộ.....	9
8. Vùng Tây Nguyên	10
9. Vùng Nam Bộ.....	11
II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG VI/2017	12
1. Đối với cây lúa	13
2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp	15
III. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG VII, VIII, IX/2017.....	16
IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ	17
V. TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	18

I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG VI/2017

Nền nhiệt độ không khí trung bình trong tháng VI/2017 tại các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN ($-0,2^{\circ}\text{C}$ đến $2,2^{\circ}\text{C}$) (hình 10).

Lượng mưa trong tháng tại các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ $-188,4\text{mm}$ đến 678mm (hình 11).

Tổng số giờ nắng tháng ở hầu hết các địa phương của nước ta phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -83 giờ đến 71 giờ). Độ ẩm không khí trung bình tháng ở hầu hết các địa phương trong cả nước có giá trị phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -13% đến 8%).

Chi tiết về diễn biến tình hình khí tượng tháng VI/2017 ở từng vùng của nước ta như sau:

1. Vùng Tây Bắc

1.1. Diễn biến nhiệt độ

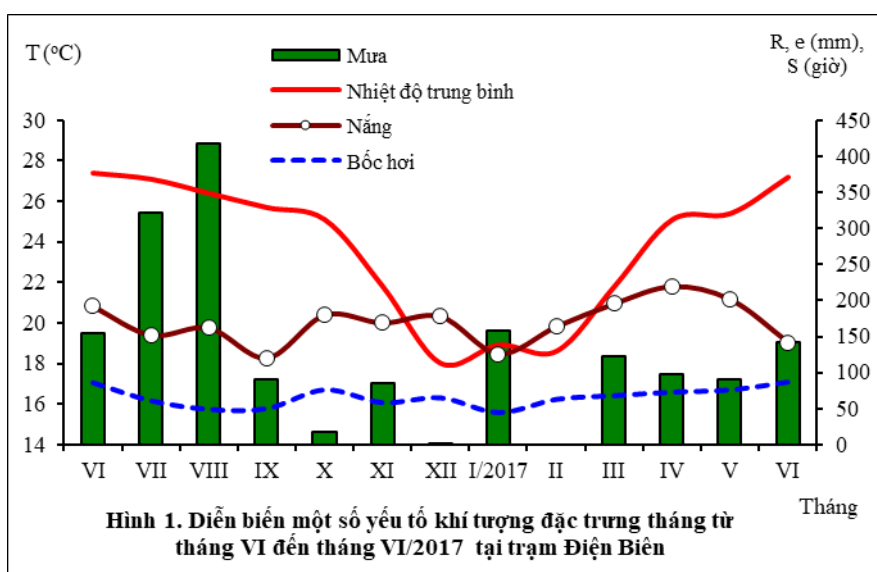
- Nhiệt độ các khu vực thuộc vùng Tây Bắc ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ $0,4$ đến $2,2^{\circ}\text{C}$; với giá trị nhiệt độ trung bình tháng dao động từ $20,9^{\circ}\text{C}$ đến $29,9^{\circ}\text{C}$ (hình 10).

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng phổ biến từ $19,1^{\circ}\text{C}$ đến $26,5^{\circ}\text{C}$, giá trị thấp nhất là $17,8^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 7/VI tại Sìn Hồ.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ $24,3^{\circ}\text{C}$ đến $35,3^{\circ}\text{C}$, giá trị cao nhất là $41,0^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 04/VI tại Hòa Bình. Sự biến động của nhiệt độ không khí theo thời gian tại trạm đại diện cho vùng Tây Bắc (Điện Biên) được thể hiện trên hình 1.

1.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng VI/2017 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động



Hình 1. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI đến tháng VI/2017 tại trạm Điện Biên

xung quanh giá trị TBNN (-171mm đến 150mm). Giá trị tổng lượng mưa tháng phổ biến dao động trong khoảng từ 92mm đến 558mm, cao nhất là 638mm tại Tam Đường.

- Lượng mưa ngày cao nhất phổ biến từ 22mm đến 94mm, cao nhất là 152mm vào ngày 27/VI tại Tam Đường.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 14 đến 26 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 8 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 22 ngày.

Biến trình lượng mưa tháng tại Điện Biên được thể hiện trên hình 1.

1.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng VI/2017 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -54 giờ đến 30 giờ; giá trị tổng số giờ nắng tháng phổ biến từ 77 giờ đến 162 giờ, cao nhất là 181 giờ (Hòa Bình) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng VI/2017 dao động từ 68% đến 89%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ -13% đến -3%. Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 27% xảy ra vào ngày 5/VI tại Yên Châu.

- Tổng lượng bốc hơi tháng VI/2017 có giá trị phổ biến từ 35mm đến 125mm, cao nhất là 140mm tại Cò Nòi. Lượng bốc hơi tháng ở mức thấp hơn giá trị lượng mưa (-579mm đến -20mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất ở các nơi đo được phổ biến từ 4 - 8mm.

1.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 11 ngày, trong đó một số nơi có 1 đến 5 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 3 đến 20 ngày.

2. Vùng Việt Bắc

2.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nền nhiệt độ không khí tháng VI/2017 vùng Việt Bắc ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,5⁰C đến 2,0⁰C) (hình 10). Diễn biến nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Việt Trì được thể hiện trên hình 2;

- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng phổ biến từ 20,6⁰C đến 30,1⁰C

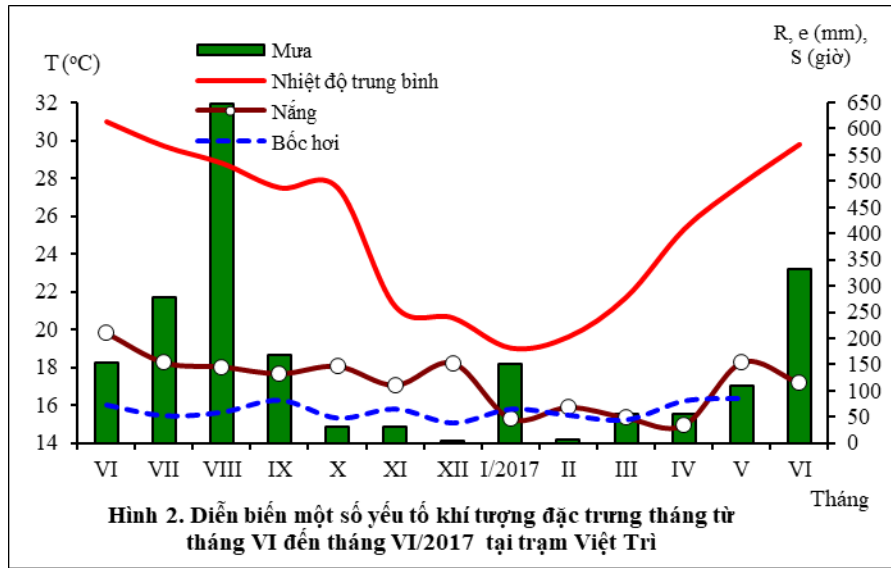
- Giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 18,7⁰C đến 27,2⁰C, nhiệt độ không khí thấp nhất là 16,5⁰C xảy ra vào ngày 7/VI tại Sa Pa.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 23,5⁰C đến 34,8⁰C, nhiệt độ

không khí cao nhất là 41,4⁰C xảy ra vào ngày 3/VI tại Vĩnh Yên.

2.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng chủ yếu từ 131mm đến 537mm, cao nhất là 1579mm tại Bắc Quang; tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-137mm



đến 678mm). Diễn biến của tổng lượng mưa tháng ở trạm Việt Trì (đại diện cho vùng Việt Bắc) được thể hiện trên hình 2.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 30mm đến 155mm, cao nhất là 242mm xảy ra vào ngày 15/VI tại Bắc Quang. Số ngày mưa trong tháng dao động phổ biến từ 14 - 26 ngày. Số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 22 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 11 ngày.

2.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng VI/2017 ở các nơi thuộc Việt Bắc có giá trị phổ biến từ 88 giờ đến 141 giờ, cao nhất là 151 giờ (Than Uyên), phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-59 giờ đến -10 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng VI/2017 phổ biến từ 79 đến 88%; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-7% đến -2%). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 31%, xảy ra vào ngày 3/VI tại Than Uyên.

- Lượng bốc hơi tháng ở các nơi trong vùng có giá trị phổ biến từ 47mm đến 112mm, cao nhất là 122mm tại Lào Cai, và có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa (-1513mm đến -58mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 5mm đến 10mm.

2.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 7 ngày, một số nơi có từ 1 đến 4 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 4 đến 21 ngày.

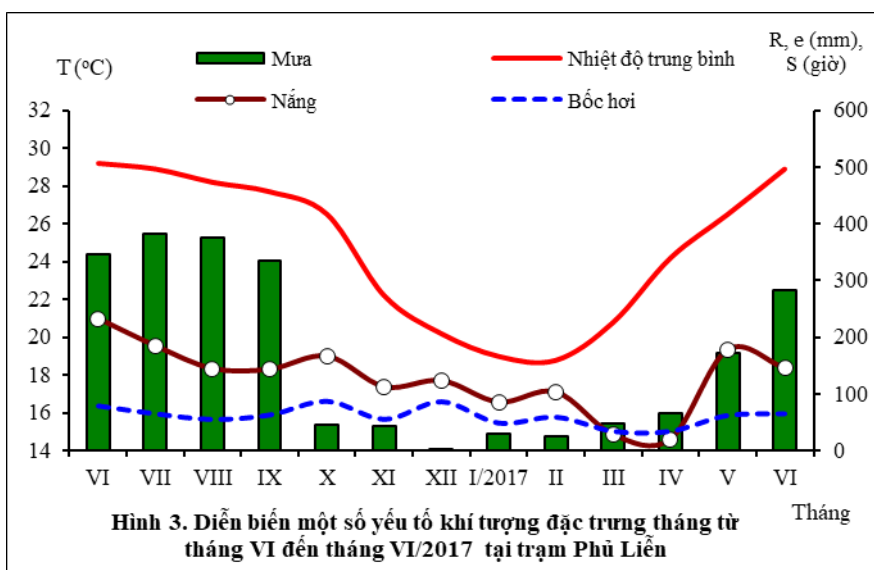
3. Vùng Đông Bắc

3.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (0,3 đến 1,2⁰C); có giá trị dao động từ 26,0⁰C đến 30,1⁰C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 30,2⁰C đến 34,4⁰C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 41,3⁰C xảy ra vào các ngày 04/VI tại Hữu Lũng.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 23,6⁰C đến 26,9⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 21,3⁰C xảy ra vào ngày 7/VI tại Trùng Khánh. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Phù Liên được thể hiện trên hình 3.



Hình 3. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI đến tháng VI/2017 tại trạm Phù Liên

3.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa tháng VI/2017 dao động phổ biến từ 109mm đến 392mm, cao nhất là 510mm tại Móng Cái, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-110mm đến 177mm) (hình 11). Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất dao động phổ biến từ 25 đến 106mm.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 14 - 22 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 12 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 6 ngày. Có thể thấy diễn biến theo thời gian của tổng lượng mưa tháng tại trạm đại diện cho vùng Đông Bắc (trạm Phù Liên) ở hình 3.

3.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng VI/2017 đo được ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-83 giờ đến -10 giờ) (hình 12) và phổ biến dao động trong khoảng từ 68 giờ đến 149 giờ, cao nhất là 161 giờ tại Móng Cái.

- Độ ẩm không khí trung bình tháng VI/2017 ở các nơi dao động phổ biến từ 76 đến 90%, ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -5% đến 5%); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 33% xảy ra vào ngày

3/VI tại Bắc Ninh.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 36mm đến 96mm, lượng bốc hơi các khu vực trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa (-369mm đến -19mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất từ 4 - 9mm (hình 14).

3.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

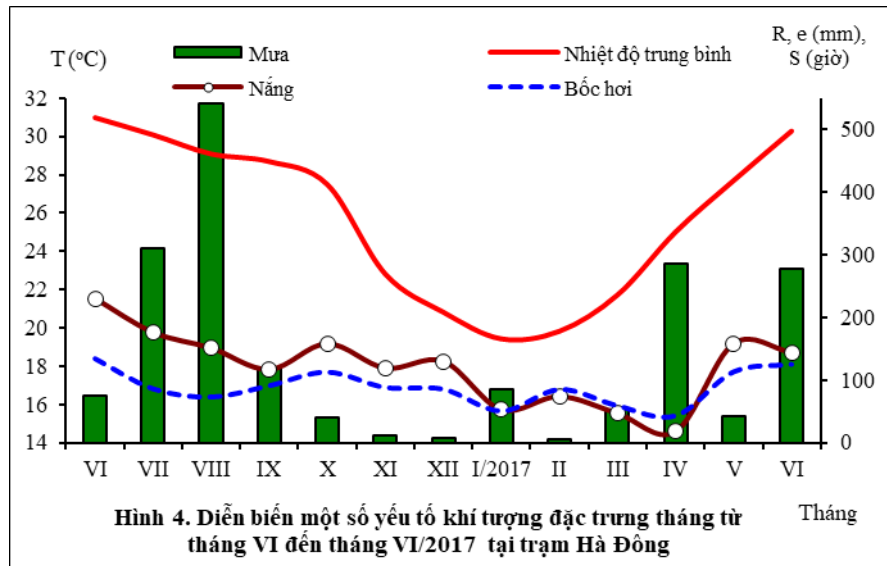
- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày có gió tây khô nóng từ 1 đến 6 ngày, trong đó có 1 đến 5 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 11 đến 21 ngày.

4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ

4.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng có giá trị dao động từ 29,5⁰C đến 30,8⁰C, ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 0,7⁰C đến 2,2⁰C) (hình 10);



Hình 4. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI đến tháng VI/2017 tại trạm Hà Đông

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 31,9⁰C đến 35,0⁰C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 42,5⁰C xảy ra vào ngày 4/VI tại Hà Đông;

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng ở các nơi từ 26,4⁰C đến 28,0⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 23,5⁰C xảy ra vào ngày 7/VI tại Sơn Tây. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

4.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-175mm đến 58mm, hình 11) và có giá trị dao động phổ biến từ 156mm đến 278mm, thấp nhất là 78mm tại Nho Quan.

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 19 đến 97mm, cao nhất là 120mm xảy ra vào ngày 7/VI tại Văn Lý; số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 10 đến 18 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 9 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ

biến từ 4 đến 13 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

4.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng VI/2017 ở các nơi trong vùng dao động từ 123 giờ đến 172 giờ; có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -63 giờ đến -24 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 75% đến 85%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ (-8% đến -3%) (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 33% xảy ra vào ngày 3/VI tại Sơn Tây.

- Lượng bốc hơi vùng Đồng bằng Bắc Bộ phổ biến từ 80mm đến 126mm; lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 5 đến 13mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa tháng từ -183mm đến 36mm.

4.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện hầu hết các nơi trong vùng với số ngày từ 5 đến 7 ngày, trong đó một số nơi có 1 đến 5 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 7 đến 18 ngày.

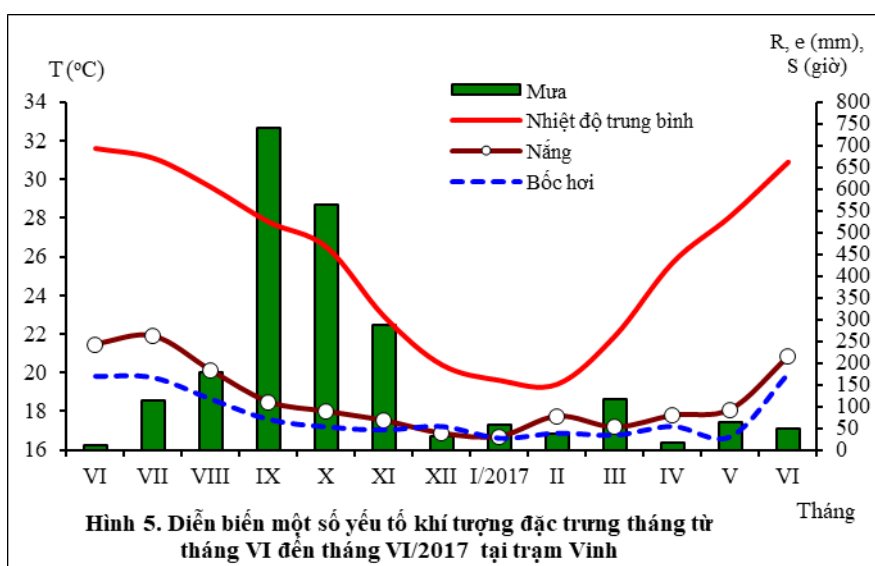
5. Vùng Bắc Trung Bộ

5.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ $0,8^{\circ}\text{C}$ đến $1,7^{\circ}\text{C}$) (hình 10) và có giá trị từ $28,5^{\circ}\text{C}$ đến $30,9^{\circ}\text{C}$.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ $32,1^{\circ}\text{C}$ đến $35,7^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ cao nhất là $40,5^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 04/VI tại Hội Xuân.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ $25,2^{\circ}\text{C}$ đến $28,3^{\circ}\text{C}$, giá



Hình 5. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI đến tháng VI/2017 tại trạm Vinh

trị nhiệt độ không khí thấp nhất là $23,2^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 25/VI tại Quỳ Hợp. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

5.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng VI/2017, các giá trị tổng lượng mưa tháng dao động phổ biến từ 12mm đến 192mm, cao nhất là 266mm tại Hội Xuân. Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-132mm đến 17mm) (hình 11).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 7 đến 72mm, cao nhất là 94mm, xảy ra vào ngày 7/VI tại Hội Xuân.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 3 - 19 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 7 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 11 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

5.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng dao động phổ biến từ 158 đến 250 giờ; tổng số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -23 giờ đến 27 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 71% đến 86%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-5% đến 5%); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 38% xảy ra vào ngày 4/VI tại Hội Xuân.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 68mm đến 183mm; lượng bốc hơi ngày lớn nhất phổ biến từ 5 - 13mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-198mm đến 143mm).

5.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 5 đến 14 ngày; nhiều nơi trong đó có từ 1 đến 5 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông từ 7 đến 21 ngày.

6. Vùng Trung Trung Bộ

6.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng VI/2017 từ $26,0^{\circ}\text{C}$ đến $30,9^{\circ}\text{C}$, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN ($0,2^{\circ}\text{C}$ đến $1,6^{\circ}\text{C}$) (hình 10). Có thể thấy được biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm đại diện cho Trung Trung Bộ (Đà Nẵng) trên hình 6.

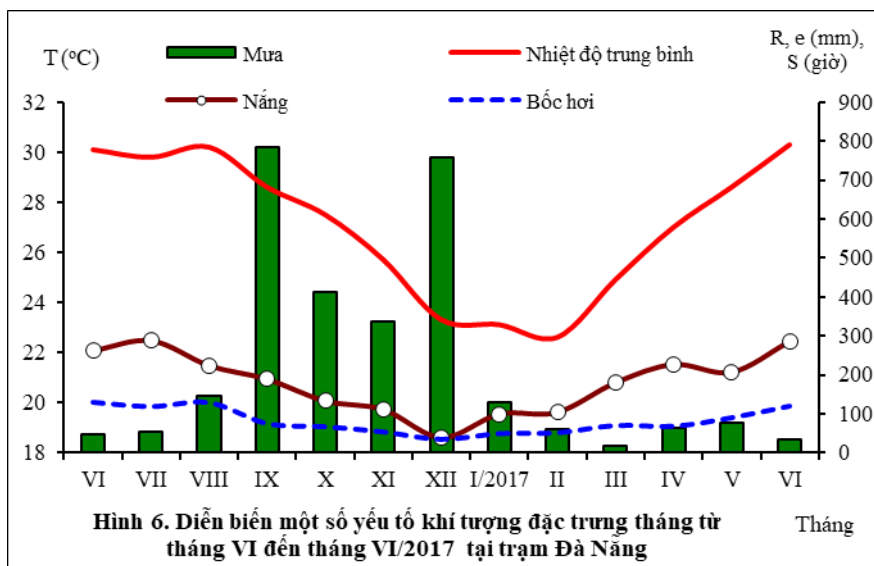
- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ $30,9^{\circ}\text{C}$ đến $36,2^{\circ}\text{C}$, giá

trị nhiệt độ cao nhất là 39,6⁰C xảy ra vào ngày 4/VI tại Tam Kỳ.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 23,1⁰C đến 28,2⁰C, giá trị nhiệt độ thấp nhất là 20,3⁰C xảy ra vào ngày 25/VI tại A Lưới.

6.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa trong tháng VI/2017 ở hầu hết các nơi trong vùng phổ biến từ 34mm đến 312mm, cao nhất là 370mm tại Trà My. Ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-126mm đến 99mm).



Hình 6. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI đến tháng VI/2017 tại trạm Đà Nẵng

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 19 đến 92mm, cao nhất là 97mm xảy ra vào ngày 8/VI tại Tuyên Hóa.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 4 đến 20 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 14 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 16 ngày. Có thể xem biến trình tổng lượng mưa tháng tại Đà Nẵng trên hình 6.

6.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng phổ biến từ 172 giờ đến 2886 giờ. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (10 giờ đến 62 giờ) (Hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 71% đến 86%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -45% đến 3%; giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 40% xảy ra vào ngày 4/VI tại Nam Đông.

- Tổng lượng bốc hơi tháng dao động phổ biến từ 53mm đến 170mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2 đến 10mm. Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-317mm đến 120mm).

6.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày từ 3 đến 15 ngày, nhiều nơi có từ 1 đến 3 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 4 đến 19 ngày.

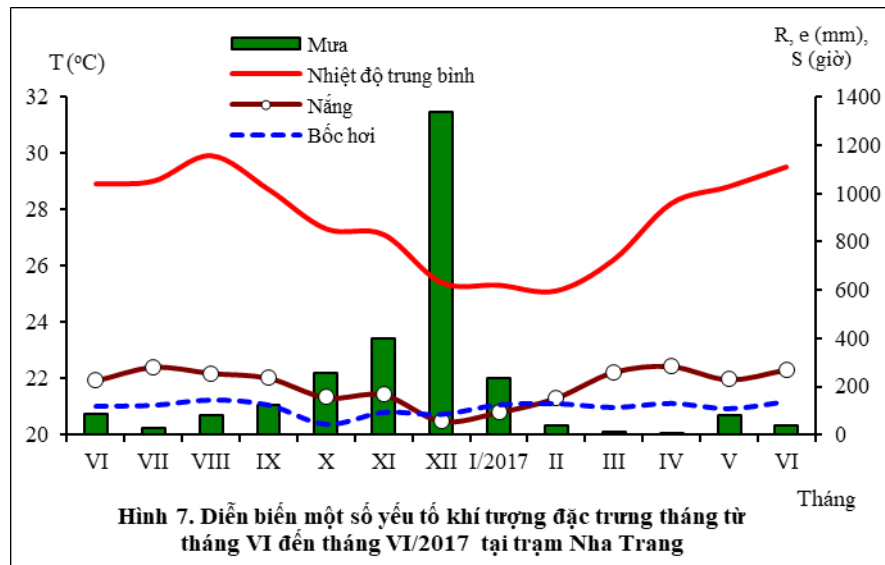
7. Vùng Nam Trung Bộ

7.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng VI/2017 từ $28,3^{\circ}\text{C}$ đến $30,6^{\circ}\text{C}$, ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ $0,5$ đến $1,1^{\circ}\text{C}$ (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ $31,5^{\circ}\text{C}$ đến $35,2^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là $38,0^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 3/VI tại Hoài Nhơn.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ $25,6^{\circ}\text{C}$ đến $28,3^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là $23,0^{\circ}\text{C}$, xảy ra vào ngày 21/VI tại Phan Thiết. Biên trình nhiệt độ không khí trung bình tại Nha Trang được thể hiện trên hình 7.



Hình 7. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI đến tháng VI/2017 tại trạm Nha Trang

7.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng VI/2017, lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng phổ biến từ 21mm đến 73mm, cao nhất là 123mm tại Hoài Nhơn. Tổng lượng mưa tháng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -76mm đến -10mm). Diễn biến tổng lượng mưa tháng tại trạm Nha Trang được thể hiện trên hình 7.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 13mm đến 42mm, cao nhất là 67mm, xảy ra vào ngày 9/VI tại Hoài Nhơn.

- Số ngày mưa trong tháng ở các địa phương phổ biến từ 3 đến 15 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 4 ngày; số ngày không mưa liên tục trong tháng phổ biến từ 4 đến 14 ngày.

7.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng VI/2017 ở các nơi trong vùng phổ biến từ 222 giờ

đến 304 giờ; số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (30 giờ đến 71 giờ);

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 73% đến 85%, phổ biến ở mức xấp xỉ giá trị TBNN (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất là 39% xảy ra vào ngày 20/VI tại Quy Nhơn.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 78mm đến 139mm, cao nhất là 142mm tại Quy Nhơn. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 9mm. Lượng bốc hơi các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị lượng mưa (9mm đến 121mm).

7.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày có gió tây khô nóng từ 1 đến 13 ngày, với 1 đến 3 ngày có cường độ mạnh;

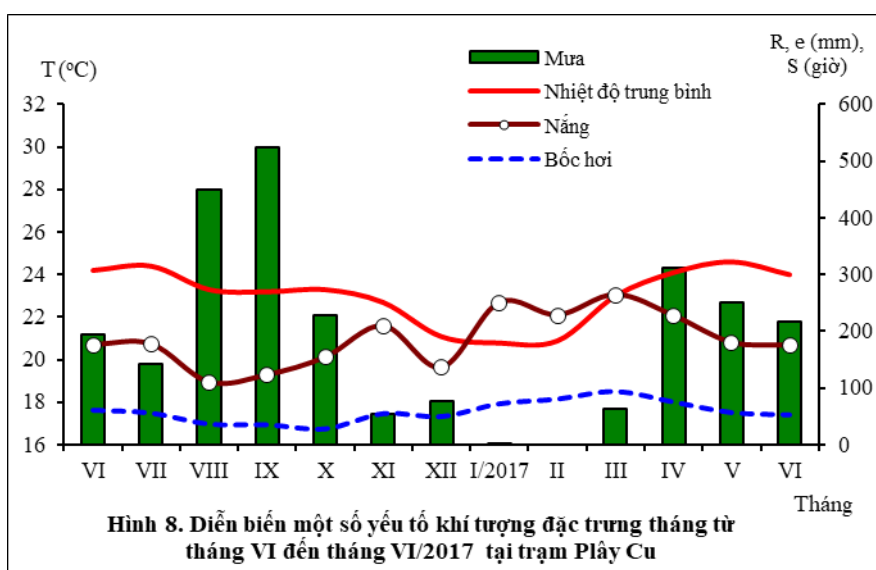
- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 7 ngày.

8. Vùng Tây Nguyên

8.1. Diễn biến nhiệt độ

- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng VI/2017 từ 20,3⁰C đến 28,7⁰C; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,9⁰C đến 1,7⁰C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 24,8⁰C đến 33,5⁰C; giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 35,9⁰C xảy ra vào ngày 21/VI tại An Khê.



Hình 8. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI đến tháng VI/2017 tại trạm Plây Cu

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 17,5⁰C đến 25,1⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 16,3⁰C xảy ra vào ngày 25/VI tại Đà Lạt. Có thể xem diễn biến nhiệt độ trung bình tháng ở trạm Plây Cu đại diện cho vùng Tây Nguyên trên hình 8.

8.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng VI/2017 dao động từ 57mm đến 242mm, phổ

biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -188mm đến -33mm).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 13mm đến 91mm. Số ngày mưa các nơi trong vùng phổ biến từ 9 đến 21 ngày, trong đó số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 9 ngày, số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 9 ngày. Diễn biến tổng lượng mưa tháng tại trạm Plây Cu được thể hiện trên hình 8.

8.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng VI/2017 phổ biến từ 132 giờ đến 275 giờ. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ (16 giờ đến 65 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -5% đến 8% (hình 13), có giá trị phổ biến từ 78% đến 89%; độ ẩm không khí thấp nhất là 46% xảy ra vào ngày 21/VI tại An Khê.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 38mm đến 116mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2 đến 7mm. Lượng bốc hơi ở các nơi trong vùng thấp hơn giá trị lượng mưa (-174mm đến -61mm).

8.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

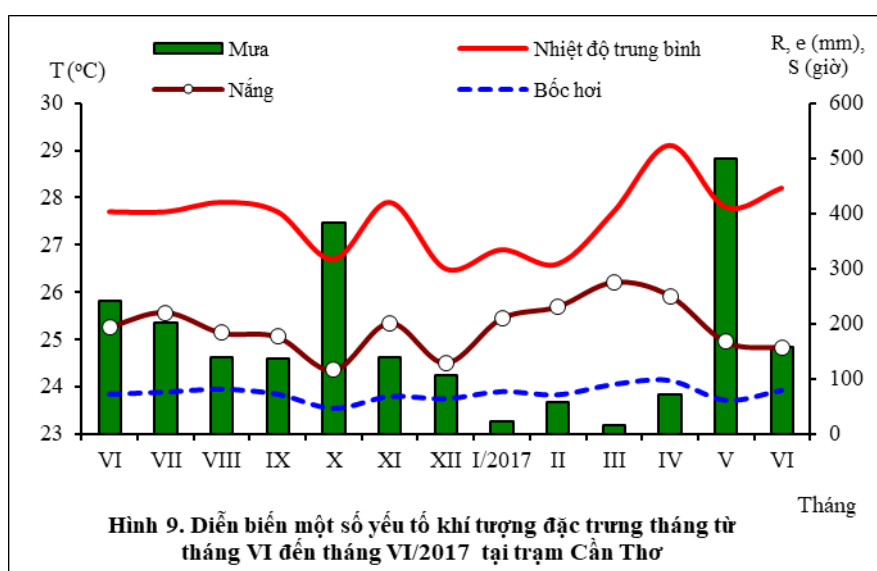
- Gió tây khô nóng xuất hiện 1 ngày tại Ayunpa, với cường độ nhẹ;
- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 3 đến 13 ngày.

9. Vùng Nam Bộ

9.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng VI/2017 từ 26,9⁰C đến 29,2⁰C, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (0,3⁰C đến 1,6⁰C) (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 30,0⁰C đến 34,2⁰C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 36,8⁰C xảy ra vào ngày 16/VI tại Tân Sơn Nhất.



Hình 9. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VI đến tháng VI/2017 tại trạm Cần Thơ

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 24,0⁰C đến 26,8⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 22,5⁰C xảy ra vào ngày 14/VI tại Xuân Lộc. Hình 9 thể hiện diễn biến của nhiệt độ trung bình tháng tại trạm Cần Thơ.

9.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng VI/2017 dao động phổ biến từ 94mm đến 418mm. Ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-175mm đến 148mm).

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến dao động từ 23mm đến 145mm.

- Số ngày mưa trong tháng dao động từ 15 đến 24 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 8 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 12 ngày.

9.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng VI/2017 phổ biến từ 146 giờ đến 219 giờ; ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-20 giờ đến 50 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 76% đến 88%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc giao động xung quanh giá trị TBNN từ 6% đến 3% (hình 13). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 43% xảy ra vào ngày 01/VI tại Tân Sơn Nhất.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 40mm đến 104mm (hình 14); lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 1 đến 5mm; lượng bốc hơi tháng ở mức thấp hơn giá trị lượng mưa tháng (-302mm đến -16mm).

9.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện một số nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 8 ngày, với cường độ nhẹ;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông từ 5 đến 22 ngày.

II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG VI/2017

Điều kiện khí tượng nông nghiệp trong tháng nhìn chung thuận lợi với nhiệt độ cao; mưa và nắng trên các vùng dao động xấp xỉ giá trị trung bình nhiều năm.

Trong tháng, sản xuất nông nghiệp miền Bắc chủ yếu tập trung vào thu hoạch lúa đông xuân. Các địa phương miền Nam đã thu hoạch xong lúa đông xuân và đang tập trung xuống giống lúa hè thu.

Trong 6 tháng đầu năm 2017, do ảnh hưởng của mưa trái mùa và thổ nhưỡng vẫn chịu ảnh hưởng nặng nề từ đợt nhiễm mặn năm trước, bên cạnh đó, nhiều diện tích lúa bị sâu bệnh, nhất là hiện tượng đạo ôn và muỗi hành bí đầu bông làm lúa bị lép, dẫn đến năng suất lúa bị giảm. Diện tích gieo cấy lúa đông xuân cả nước năm nay ước tính đạt 3.077 nghìn ha, giảm nhẹ so với cùng kỳ, năng suất ước đạt 62,1 tạ/ha, giảm 1,3%; sản lượng ước đạt 19,1 triệu tấn, giảm 1,5% so với cùng kỳ năm trước. Đến nay, cả nước đã gieo trồng 2,07 triệu ha lúa hè thu, do không chịu ảnh hưởng bởi hạn hán, nhiễm mặn như năm trước nên tiến độ xuống giống lúa hè thu nhanh hơn cùng kỳ (+16,3%)

1. Đối với cây lúa

+ **Lúa đông xuân:** Nhìn chung vụ lúa đông xuân năm nay ở cả miền Bắc và miền Nam đều tương đối thuận lợi về thời tiết, khí hậu.

Miền Bắc: Các địa phương phía Bắc đã gieo cấy đạt 1.145 ngàn ha, đạt 99% so với cùng kỳ năm trước, giảm chủ yếu tại vùng đồng bằng sông Hồng. Hiện nay, toàn miền đã thu hoạch được 1.138,2 ngàn ha lúa đông xuân, chiếm 99,4% diện tích gieo cấy, bằng 103,6% so với cùng kỳ năm trước. Năng suất bình quân tại các tỉnh không đồng đều, một số tỉnh thấp hơn so với kế hoạch do trà lúa gieo sớm trở vào thời điểm gặp mưa trái mùa (lượng mưa trong tháng 11, 12/2016 và tháng 1 năm 2017 nhiều hơn trung bình hàng năm 80-300 mm), trong khi đó thời gian chiếu sáng lại thấp hơn khoảng 30-200 giờ so với năm trước đã ảnh hưởng đến quá trình thụ phấn, tạo hạt đồng thời gây đổ ngã khi thu hoạch, bên cạnh đó, một số loại dịch hại trên diện tương đối rộng và mức độ gây hại cao đã tác động làm giảm năng suất. Theo đánh giá của các địa phương, năng suất lúa đông xuân các tỉnh miền Bắc ước đạt 62,2 tạ/ha, giảm 1%, sản lượng ước đạt 7,11 triệu tấn, giảm 2% so với vụ đông xuân 2016.

Miền Nam: Tổng diện tích xuống giống lúa đông xuân đạt khoảng 1.928 triệu ha, tương đương cùng kỳ năm trước; năng suất bình quân ước đạt 62,1 tạ/ha, giảm 1,6%; sản lượng đạt gần 12 triệu tấn, giảm 149,7 nghìn tấn (-1,2%) so với cùng kỳ năm trước. Riêng vùng ĐBSCL sản lượng đạt hơn 9,6 triệu tấn, giảm 360,9 nghìn tấn so với cùng kỳ (-3,6%); Tây Nguyên đạt 494,4 nghìn tấn, tăng 70 nghìn tấn (+16,5%); Duyên hải miền trung đạt hơn 1,4 triệu tấn, tăng 126,7 nghìn tấn (+9,7%). Ngoài yếu tố thổ nhưỡng bị ảnh hưởng do xâm nhập mặn từ năm trước thì năng suất lúa Đông xuân 2017 ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long năm nay giảm do bị ảnh hưởng của sâu bệnh (Chủ yếu là hiện tượng muỗi hành bí đầu bông làm cho bông lúa không trở thoát được) và những trận mưa giông trái mùa liên tiếp diễn ra ở thời điểm lúa đang trổ, chín và thu hoạch làm cho nhiều diện tích lúa bị đổ ngã, tỷ lệ thất thoát trong thu hoạch và tỷ lệ hạt lép tăng

+ **Lúa vụ hè thu:** Tính đến cuối tháng, cả nước gieo trồng đạt 2,07 triệu ha lúa hè thu, do không chịu ảnh hưởng bởi hạn hán, nhiễm mặn như năm trước nên tiến độ xuống giống lúa hè thu nhanh hơn cùng kỳ, đạt 116,3%. Trong đó,

các tỉnh miền Bắc đạt 187,1 ngàn ha, tăng 43,6%, các tỉnh miền Nam đạt 1,88 triệu ha, tăng 14%, riêng các tỉnh thuộc vùng ĐBSCL đạt 1,63 triệu ha, tăng 12,7% cùng kỳ năm trước. Diện tích gieo trồng lúa hè thu năm nay tăng do tình hình xuống giống sớm vụ Đông Xuân 2016-2017 và nguồn nước đầu vụ Hè Thu tương đối tốt, mùa mưa đến sớm và lượng mưa nhiều hơn hàng năm, thêm vào đó lịch thời vụ gieo trồng lúa hè thu của năm 2016 lại được thông báo trễ hơn những năm trước. Tuy nhiên, tại thời điểm xuống giống Hè Thu chính vụ vẫn thường xuyên có nhiều đợt mưa lớn gây khó khăn cho tiến độ xuống giống lúa. Đến nay đã có 463,7 nghìn ha lúa hè thu sớm tại các tỉnh ĐBSCL cho thu hoạch, đạt 25% diện tích gieo trồng, năng suất ước trên diện tích thu hoạch đạt 60,4 tạ/ha.

+ **Lúa mùa:** Ngay sau khi gặt lúa đông xuân, nhiều địa phương ở miền Bắc đã triển khai gieo trồng lúa mùa, lúa nương trong điều kiện thời tiết thuận lợi. Tính đến cuối tháng đã có 86,3 ngàn ha được gieo trồng, tập trung chủ yếu tại các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc (78,4 ngàn ha).

Bảng 1. Số liệu khí tượng nông nghiệp tuần 3 tháng VI/2017

Số TT	Các vùng sinh thái nông nghiệp	Trạm	Các giai đoạn phát triển của cây trồng	Trạng thái sinh trưởng của cây trồng	Độ ẩm đất	Tác động của thiên tai, sâu bệnh
1	Tây Bắc, Việt Bắc	Mộc Châu	Chè lớn lá thật thứ nhất	Khá	TB	
2		Điện Biên	Lúa mùa lá thứ 3	TB	3cm	
3		Văn Chấn	Lúa mùa bén rễ hồi xanh, đẻ nhánh	TB	3cm	
4		Tuyên Quang	Lúa xuân hè lá thứ 3	TB	Quá ẩm	
5	Đông Bắc	Uông Bí				
6		Lạng Sơn	Lúa xuân trở bông	TB	3cm	
7			Ngô	TB	TB	
8		Bắc Giang				
9	Trung du Bắc Bộ	Phú Hộ	chè lớn nảy chồi	TB	TB	
10		Ba Vì	Chè lớn búp hái	TB	TB	Phồng lá 51-60%
11	Đồng bằng Sông Hồng	Hà Đông	Lúa mùa lá thứ 3	TB	3cm	
12		Hoài Đức	Lạc hình thành củ	Khá	ẩm	
			Ngô chín hoàn toàn	TB	TB	
			Cam ra lá mới	Kém	ẩm	úng ngập 61-70%
13		Hưng Yên	Lúa mùa mọc mầm	Khá	Quá ẩm	
14	Nam Định	Lúa mùa lá thứ 3, thứ 5	Khá	3cm		

15		Ninh Bình	Lúa mùa lá thứ 3	TB	Quá ẩm	
16		Hải Dương	Chuyên vụ			
17		Thái Bình	Lúa mùa mọc mầm	Khá	Quá ẩm	
18	Bắc Trung Bộ	Yên Định	Đậu tương lá kép thứ 3, mọc mầm	TB	TB	
			Lạc lá thật thứ 3	TB	TB	
19	Bắc Trung Bộ	Thanh Hoá	Lúa mùa đẻ nhánh	TB	3cm	
20		Quỳnh Lưu	Lúa hè thu đẻ nhánh	TB	10cm	
21		Đô Lương	lúa hè thu đẻ nhánh	TB	3cm	
22		Trung Trung Bộ	Huế			
23	Nam Trung Bộ	Tuy Hoà	Lúa hè thu lá thứ 3	Khá	3cm	
24		An Nhơn	Lúa hè thu mọc đống	Khá	4cm	
25	Tây Nguyên	Eakmat	Cà phê hình thành quả	Tốt	TB	
26	Nam Bộ	Xuân Lộc	Cà phê hình thành quả	TB	Quá ẩm	
27		Trà Nóc	Lúa hè mọc mầm	Khá	ẩm	
28		Mỹ Tho	Lúa hè thu đẻ nhánh	TB	3cm	
29		Bạc Liêu	Lúa hè thu đẻ nhánh	TB, Khá	Quá ẩm	

2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp

Thời tiết trong tháng cũng khá thuận lợi cho các cây lâu năm và các cây trồng hàng năm khác.

Cây màu: Tính đến cuối tháng, cả nước đã gieo trồng đạt 1,26 triệu ha cây màu lương thực, tăng 0,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, diện tích ngô ước đạt 764,1 nghìn ha, bằng 98,8% cùng kỳ; khoai lang đạt 87,4 nghìn ha, bằng 102,5%; sắn đạt 398,6 nghìn ha, bằng 103,4% cùng kỳ năm trước.

Cây công nghiệp ngắn ngày: Diện tích gieo trồng các cây công nghiệp ngắn ngày ước đạt 381,5 ngàn ha, bằng 100,3% cùng kỳ năm trước, trong đó: diện tích đậu tương đạt 44,9 ngàn ha, bằng 94,7%; lạc đạt 156 ngàn ha, bằng 98,8%; mía đạt 147,5 ngàn ha, bằng 107,8%. Diện tích rau, đậu các loại đạt 696,2 ngàn ha, bằng 106,9 % cùng kỳ năm trước.

Cây lâu năm: Theo báo cáo từ các địa phương, diện tích trồng cây lâu năm ước đạt 3.369,6 nghìn ha, tăng 1,9% so với cùng kỳ năm trước. Cơ cấu các loại cây trồng đang có sự biến động theo hướng chuyên canh, tăng diện tích cây đặc sản, cây có giá trị cao phù hợp với điều kiện canh tác của mỗi vùng miền để thích ứng với tình hình biến đổi khí hậu.

Tại Hoài Đức lạc ở giai đoạn hình thành củ, sinh trưởng khá trên nền đất ẩm. Ngô chín hoàn toàn, sinh trưởng trung bình, đất ẩm trung bình. Cam ra lá mới, sinh trưởng trung kém trên nền đất ẩm và bị úng ngập 61-70%.

Chè lớn lá thật thứ nhất, sinh trưởng khá ở Mộc Châu. Chè lớn ở Phú Hộ đang nảy chồi, sinh trưởng trung bình, đất ẩm trung bình. Chè ở Ba Vì ở giai đoạn lớn búp hái, sinh trưởng trung bình, bị phòng lá 51-60%.

Cà phê trong giai đoạn hình thành quả, sinh trưởng tốt ở Tây Nguyên trên đất ẩm trung bình; sinh trưởng trung bình ở Xuân Lộc; nền đất quá ẩm.

3. Tình hình sâu bệnh

- Rầy nâu - rầy lưng trắng: diện tích nhiễm 48.547 ha, nhiễm nặng là 2.495 ha, mất trắng 4,34 ha (Nghệ An, Thái Bình, Hải Phòng). Tập trung chủ yếu tại các tỉnh Bắc Bộ 27.045 ha, phía Nam nhiễm 20.457 ha.

- Bệnh VL-LXL: Diện tích nhiễm 6.280 ha, nhiễm nặng là 2.515 ha, mất trắng 11 ha (Đồng Tháp). Tập trung chủ yếu tại Đồng Tháp, Long An, An Giang, Hậu Giang và Sóc Trăng.

- Bệnh đạo ôn cổ bông: diện tích nhiễm 32.209 ha, nhiễm nặng 9.412 ha, mất trắng 13.421 ha (Hà Tĩnh). Trong đó diện tích nhiễm tại các tỉnh Bắc Trung Bộ 22.636 ha; Các tỉnh Bắc Bộ 7.478 ha, các tỉnh phía Nam 2.086 ha.

- Bệnh đạo ôn lá: diện tích nhiễm 33.945 ha, nhiễm nặng 504 ha. Tập trung tại các tỉnh phía Nam 33.930 ha.

- Chuột: diện tích hại 9.715 ha, nặng 465 ha. Tập trung tại các tỉnh Bắc Bộ 4.793 ha, ĐBSCL 4.283 ha.

- Sâu đục thân: Diện tích nhiễm 2.436 ha, nặng 22 ha.

- Sâu cuốn lá nhỏ: diện tích nhiễm 26.091 ha, nhiễm nặng 10.916 ha, tập trung tại các tỉnh phía Bắc 16.830 ha.

- Ốc bươu vàng: Diện tích nhiễm 18.669 ha, trong đó diện tích nhiễm nặng 318 ha. Tập trung chủ yếu ở các tỉnh phía Nam 16.588 ha.

- Ngoài ra, lem lép hạt 7.259 ha, khô vằn 147.755 ha, bạc lá 12.022 ha,...

III. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG VII, VIII, IX/2017

3.1. Nhiệt độ

Kết quả dự báo mùa 3 tháng VII, VIII, IX năm 2017 cho thấy, trong mùa 3 tháng VII-IX, nhiệt độ có khả năng cao hơn TBNN từ dưới 0,5 đến hơn 1,5°C ở phần lớn diện tích cả nước ngoại trừ một phần khu vực Đông Bắc và phía nam Nam Trung Bộ có nhiệt độ thấp hơn TBNN từ 0,5 đến hơn 1,5°C với xác suất từ

66 đến trên 77%. Nhiệt độ có khả năng thấp hơn TBNN từ dưới 0,5 đến 1,5°C ở khu vực Nam Bộ với xác suất từ 66 đến trên 77%.

3.2. Lượng mưa

Trong ba tháng tới, Lượng mưa mùa VII-IX năm 2017 có khả năng ở mức cao hơn TBNN từ 0 đến 400mm ở phần lớn khu vực Bắc Bộ, Trung Trung Bộ, Tây Nguyên và phía nam Nam Trung Bộ với xác suất từ 55 đến 77%. Lượng mưa có khả năng thấp hơn TBNN từ 0 đến 600 mm ở khu vực Bắc Trung Bộ và Nam Bộ với xác suất từ 44 đến 77%.

3.3. Một số hiện tượng cực đoan

Xoáy thuận nhiệt đới: Nhiều khả năng, số lượng XTNĐ trên Biển Đông và ảnh hưởng đến nước ta trong mùa mưa bão 2017 ở mức xấp xỉ TBNN. Trong đó, XTNĐ có khả năng sẽ tập trung xảy ra nhiều hơn vào các tháng từ cuối hè đến cuối năm 2017. Ngoài ra, khu vực Trung Trung Bộ - Nam Trung Bộ được nhận định có khả năng chịu tác động của XTNĐ nhiều hơn TBNN.

Nắng nóng: Trong các tháng mùa hè năm 2017, nắng nóng và nắng nóng gay gắt sẽ ảnh hưởng chính đến khu vực Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ. Do vậy, các khu vực này cần đề phòng các tác động tiêu cực do nắng nóng gây ra đối với sức khỏe người dân, cũng như hoạt động sản xuất.

IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Từ thực trạng sản xuất nông nghiệp, trạng thái sinh trưởng phát triển của cây trồng trong tháng VI và trên cơ sở dự báo xu thế thời tiết tháng VII/2017 và dự báo khí hậu 3 tháng VII, VIII và IX/2017 có thể đưa ra một số kiến nghị sau:

1. Miền Bắc

- Tình hình khí tượng nông nghiệp trong tháng cơ bản thuận lợi cho thu hoạch lúa đông xuân và chuẩn bị gieo cấy lúa mùa do có nền nhiệt độ và số giờ nắng cao;

- Trong những tháng tiếp theo, có khả năng lượng mưa thấp hơn TBNN, nên cần có sự chuẩn bị để đảm bảo nước cho lúa mùa và các loại cây rau màu.

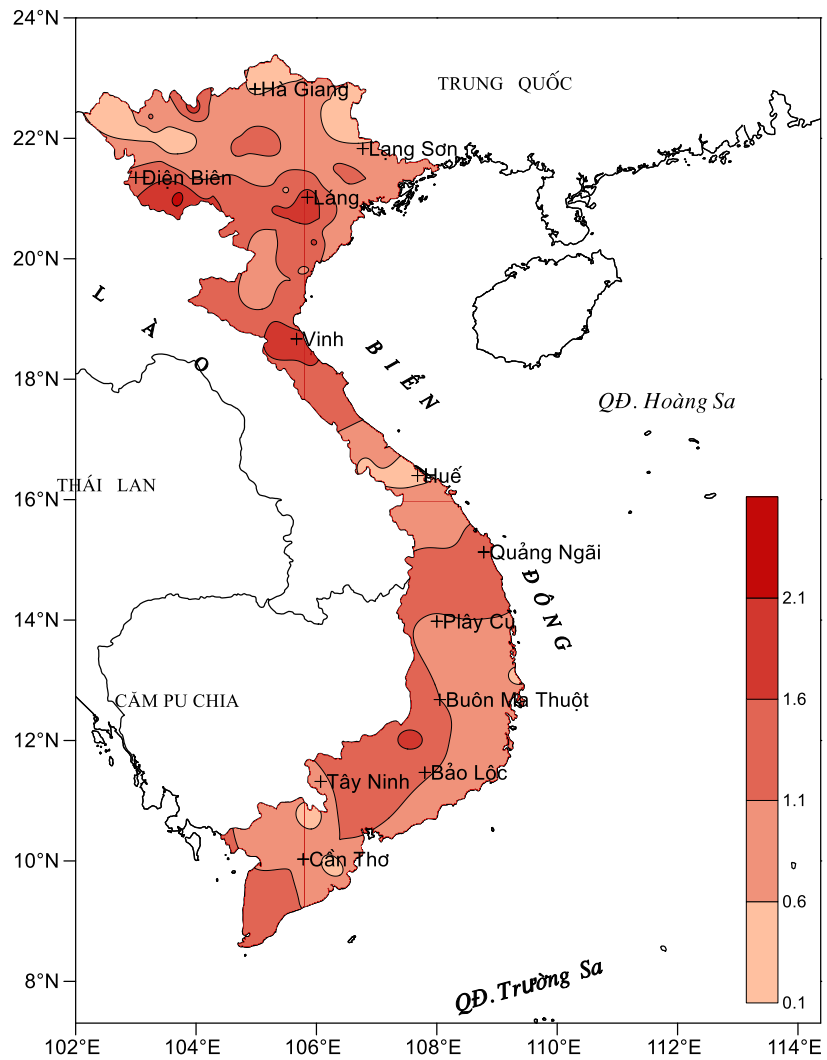
2. Miền Nam

- Tập trung chăm sóc lúa hè thu đang trong giai đoạn đẻ nhánh;

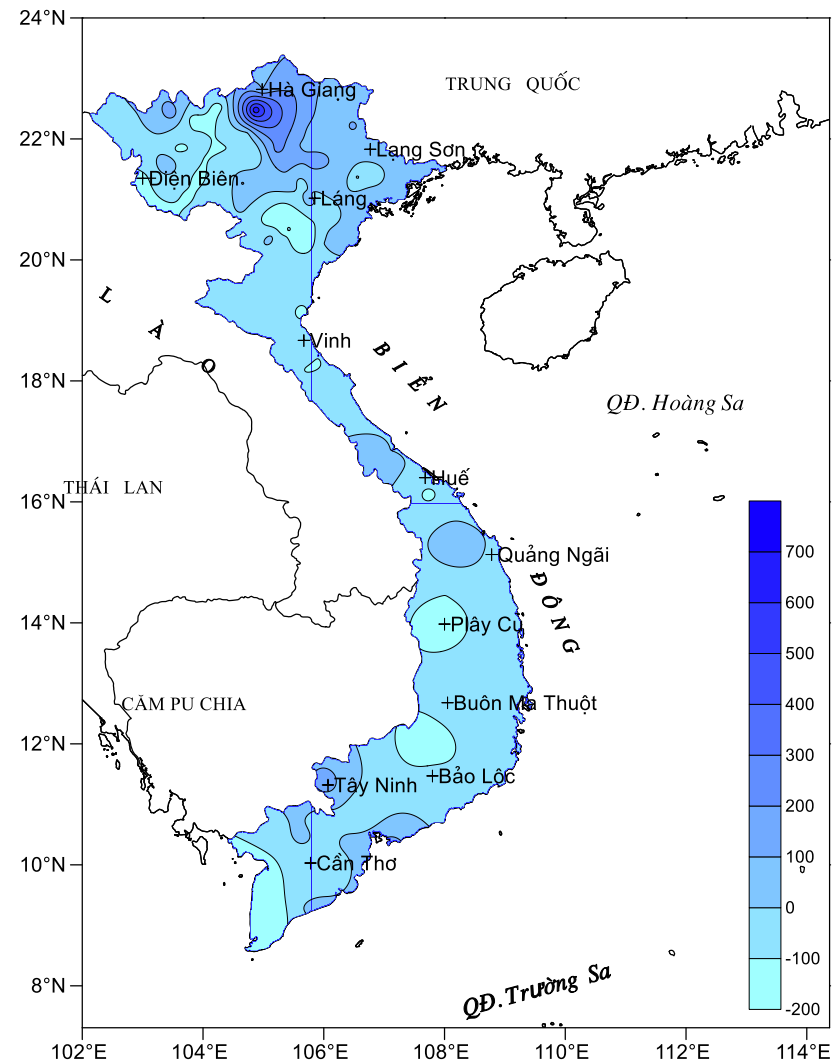
- Tích cực phòng trừ các loại sâu bệnh hại trên lúa và các cây rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây cà phê.

V. TÀI LIỆU THAM KHẢO

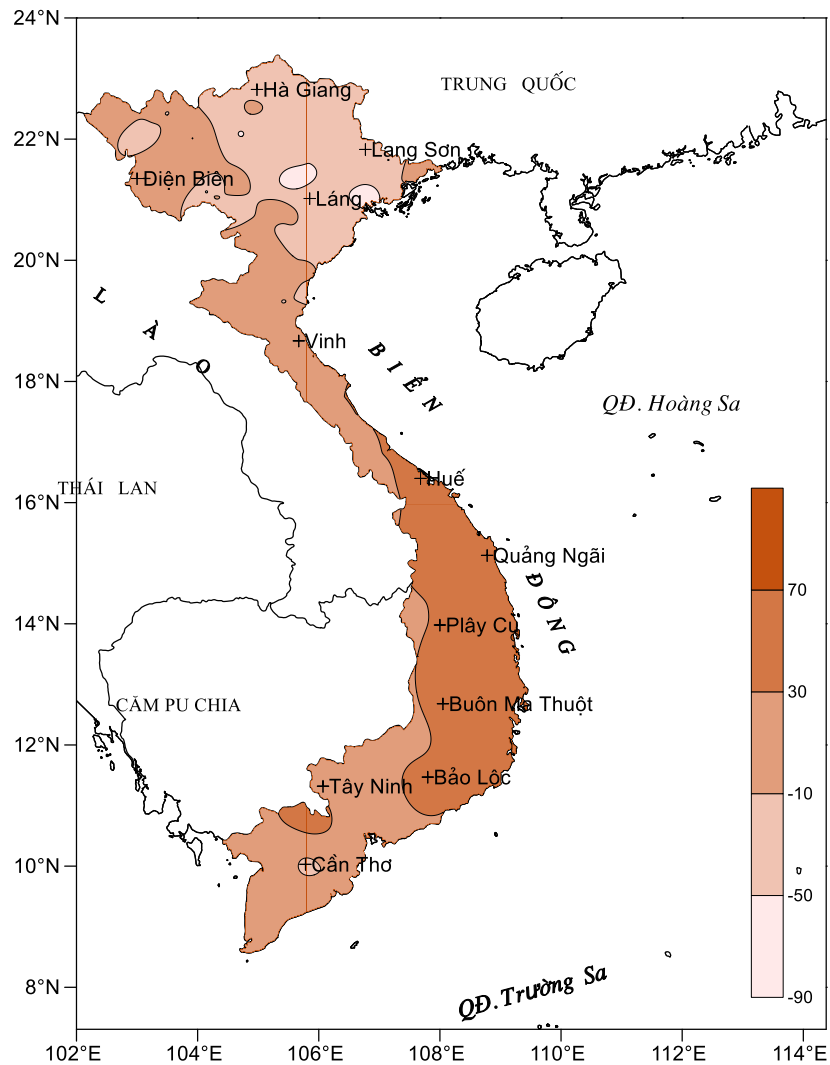
1. Viện Khoa học Khí tượng thuỷ văn và Môi trường, Thông báo và dự báo Khí hậu tháng VII, VIII, IX năm 2017;
2. Trung tâm Dự báo Khí tượng Thuỷ văn Quốc gia, dự báo xu thế thời tiết tháng VII năm 2017 các khu vực trên phạm vi cả nước;
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch tháng VI năm 2017 ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.



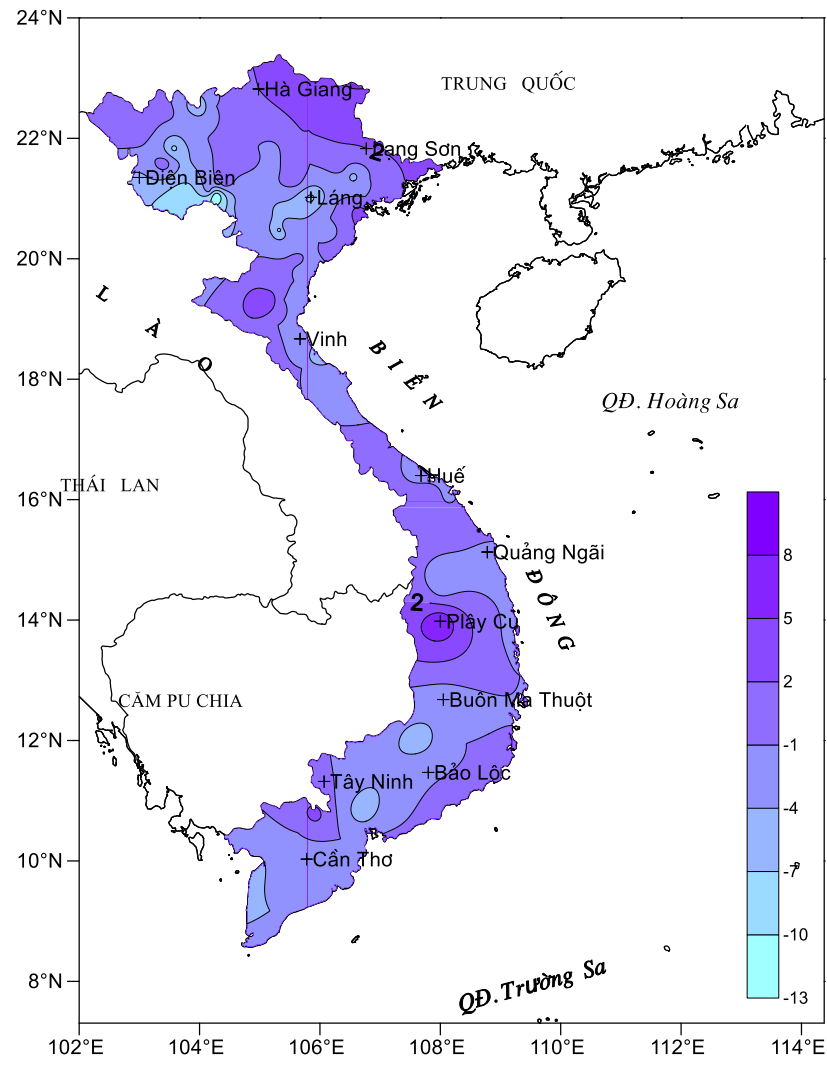
Hình 10. Độ lệch của nhiệt độ tháng VI/2017 so với TBNN (°C)



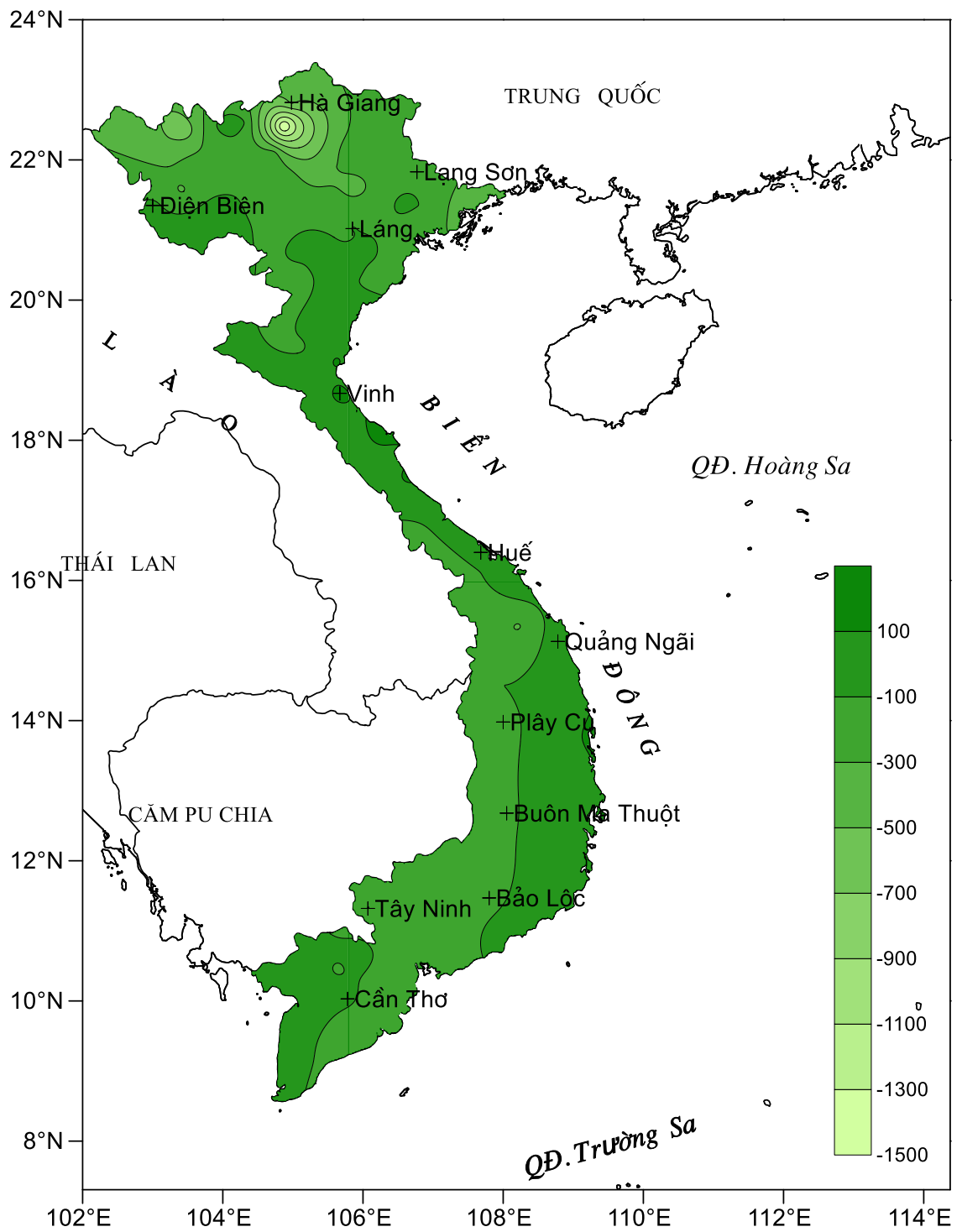
Hình 11. Độ lệch của lượng mưa tháng VI/2017 so với TBNN (mm)



Hình 12. Độ lệch của số giờ nắng tháng VI/2017 so với TBNN (giờ)



Hình 13. Độ lệch của độ ẩm không khí tháng VI/2017 so với TBNN (%)



Hình 14. Độ lệch của lượng bốc hơi so với lượng mưa tháng VI/2017 (mm)